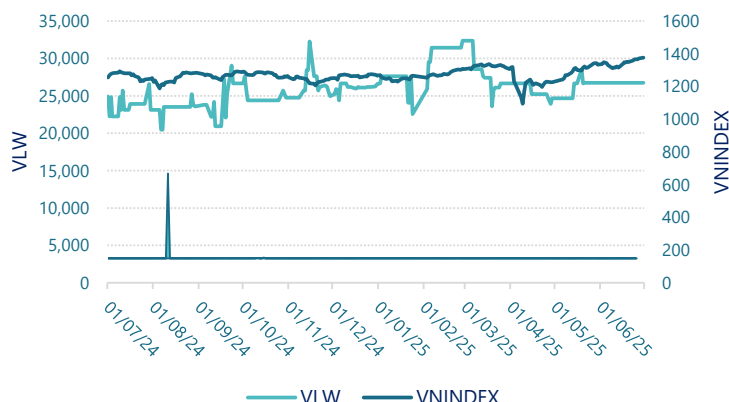


CTCP Cấp nước Vĩnh Long (UPCOM: VLW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,370
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,469
SL cổ phiếu LH	28,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	812
P/E	11.6
EPS	2,423

DT thuần

Q2/25

52.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.90 | 20.4%

YoY: ▲ 3.20 | 6.5%

LN sau thuế

Q2/25

15.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 24.3%

YoY: ▼ 2.80 | -15.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

35.9%

+/- YoY: ▼ 4.4%

DT thuần

6T 2025

96.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.60 | 3.9%

LN sau thuế

6T 2025

27.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.10 | -10.2%

ROE

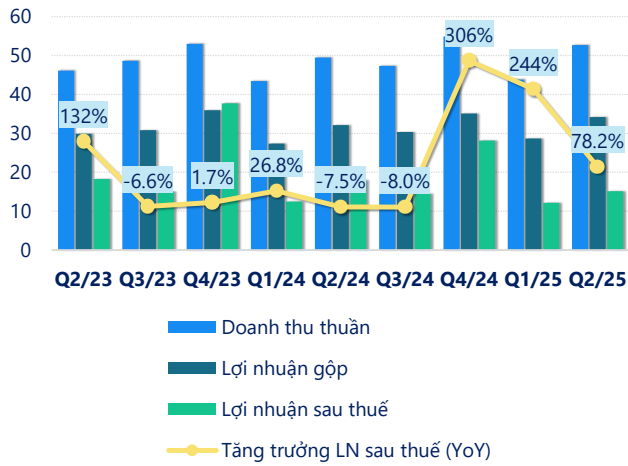
Q2/25

14.1%

+/- YoY: ▼ 3.7%

tỷ VNĐ

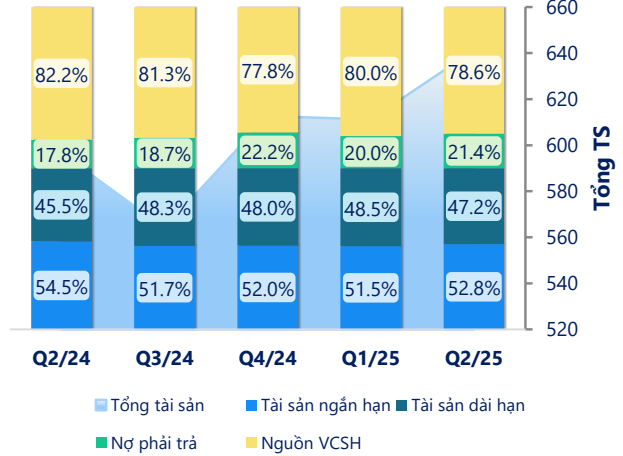
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

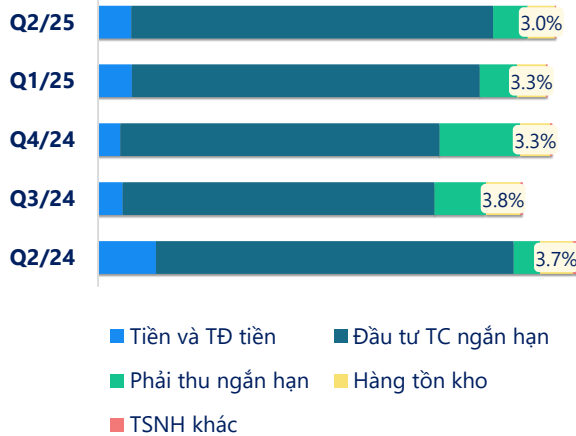
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



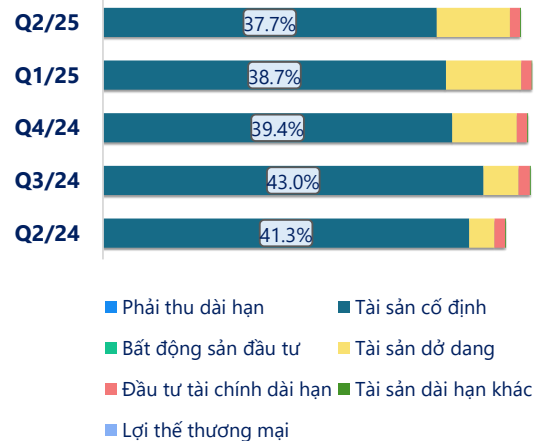
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

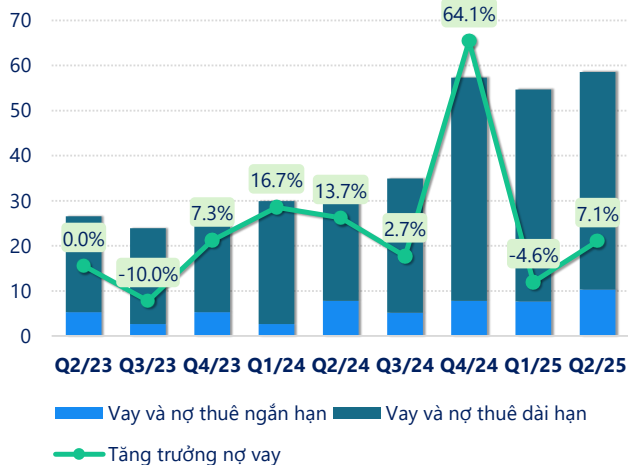
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

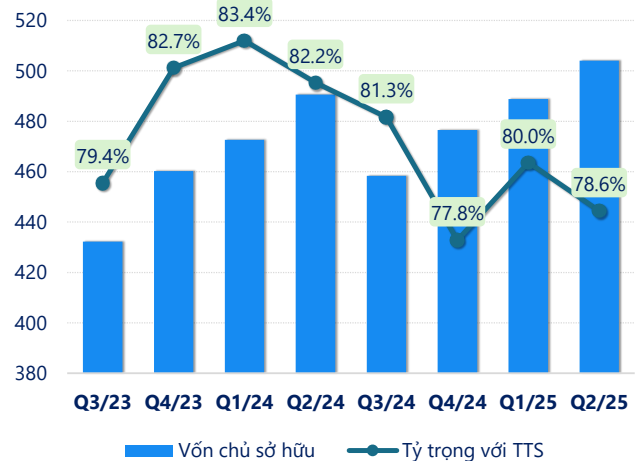
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

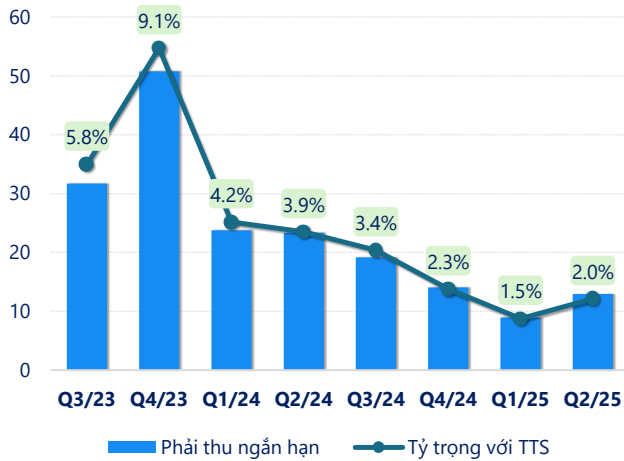
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



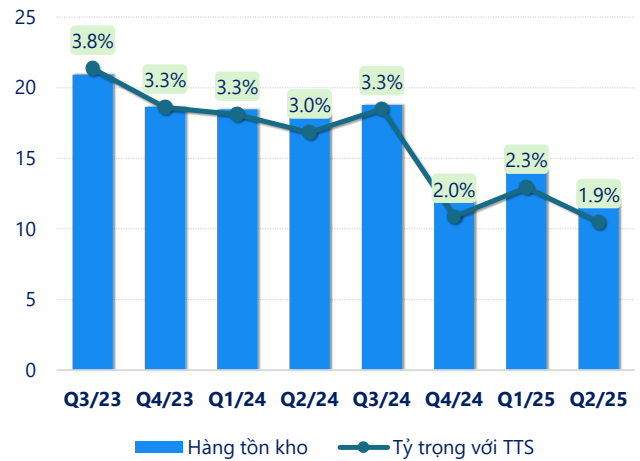
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


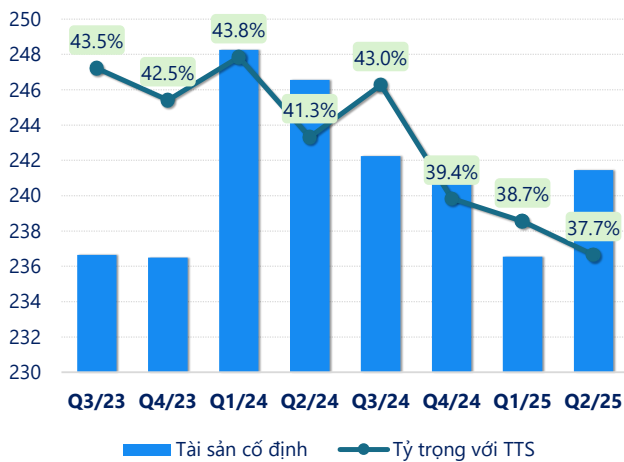
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


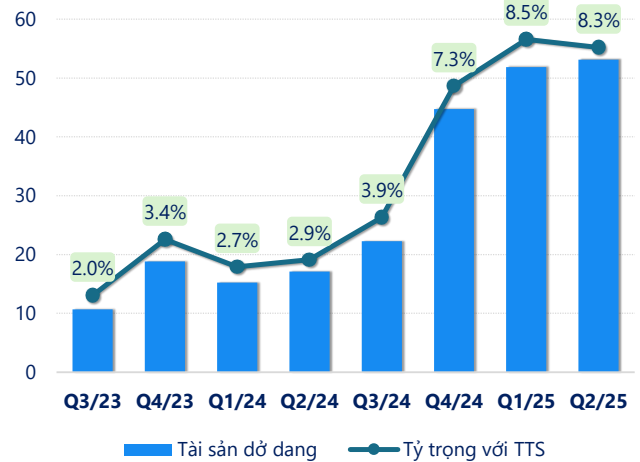
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

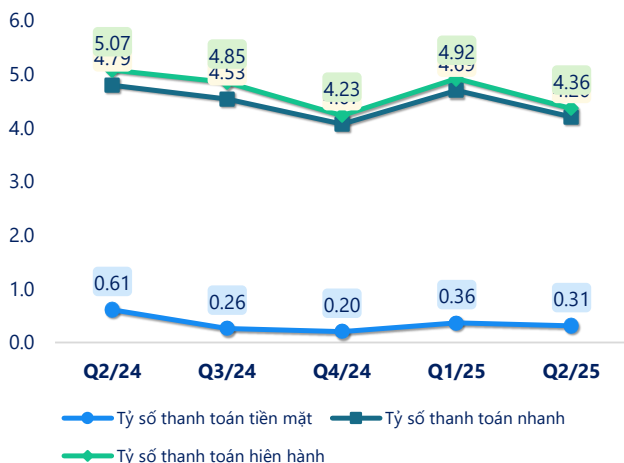
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

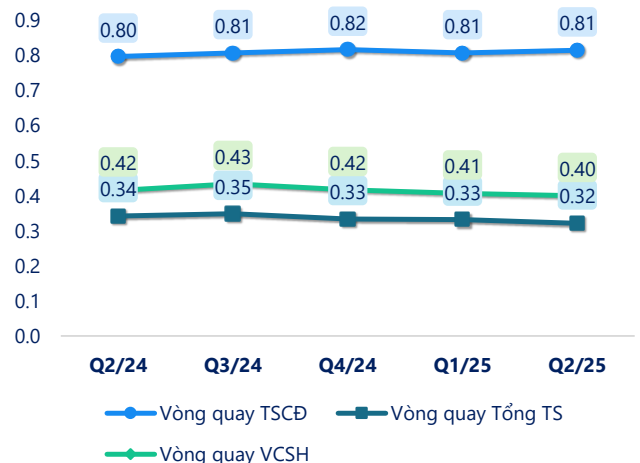
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	597	564	613	611	641
Tài sản ngắn hạn	325	292	319	315	339
Tiền và tương đương tiền	39.0	15.7	15.3	23.3	23.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	244	237	276	268	289
Phải thu ngắn hạn	23.4	19.2	14.1	8.92	12.9
Hàng tồn kho	18.1	18.8	12.0	14.2	12.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0.56	1.56	1.01	1.19
Tài sản dài hạn	271	272	294	296	302
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	247	242	241	237	241
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.1	22.3	44.7	51.9	53.1
Đầu tư tài chính dài hạn	7.21	7.21	7.21	7.21	7.21
Tài sản dài hạn khác	0.57	0.63	0.58	0.56	0.66
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	106	106	136	122	137
Nợ ngắn hạn	64.1	60.2	75.4	64.1	77.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.81	5.15	7.81	7.65	10.3
Phải trả người bán ngắn hạn	4.84	3.30	8.75	9.70	11.0
Nợ dài hạn	41.9	45.5	60.8	58.3	59.5
Vay và nợ thuê dài hạn	26.2	29.8	49.5	47.0	48.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	491	458	476	489	504
Vốn chủ sở hữu	491	458	476	489	504
Vốn điều lệ	289	289	289	289	289
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)